

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05/4/2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ché Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Phương

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Hồng Phil - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Bạch T, sinh năm 1994; cư trú tại số 104AOOD tổ 16, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phan Vinh N, sinh năm 1991; cư trú tại Castle Ln, Murrieta, CA, Hoa Kỳ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn trình bày:

Qua thời gian quen biết và tìm hiểu, bà T và ông N tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận N vào năm 2020.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau một khoảng thời gian cho đến khi ông N quay trở lại Mỹ. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Ông N thường xuyên về Việt Nam thăm vợ.

Khoảng thời gian sau, do tình hình dịch Covid 19 kéo dài, ông Nghi không còn thường xuyên về Việt Nam nữa. Dần dần, tình cảm vợ chồng xa dần,

những lời hỏi thăm, động viên nhau ngày càng một ít đi. Ông N không làm thủ tục bảo lãnh bà T sang Mỹ để chung sống.

Bà T có đề nghị ông N quay về Việt Nam sống cùng vợ nhưng ông N không đồng ý. Kể từ đó, vợ chồng xảy ra bất đồng và chỉ thỉnh thoảng liên lạc với nhau qua điện thoại.

Qua một thời gian, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Một phần là do quan điểm sống khác nhau. Một phần là do khoảng cách về địa lý nên cuộc sống hôn nhân không đạt được. Hiện tại, cuộc sống hôn nhân không còn ý nghĩa. Do vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do vợ chồng chưa có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn là ông Trương Vĩnh Nghi, sau khi thông báo thụ lý vụ án ly hôn, Tòa án có nhận được các văn bản gửi từ địa chỉ của ông N về cho Tòa án thể hiện việc đồng ý ly hôn nhưng do các văn bản chưa được hợp thức hóa lãnh sự nên không được xem là chứng cứ. Do vậy, Tòa án chưa rõ ý kiến chính thức của ông N. Tiếp sau đó, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho ông N qua đường bưu điện. Theo kết quả tra cứu thì ông N đã nhận được nhưng không phản hồi nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo luật định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa thể hiện, những người tiến hành tố tụng, đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua xem xét các tài liệu chứng cứ đã thẩm tra, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân của bà Lê Thị Bạch T và ông Phan Vinh N là hợp pháp vì được hình thành trên sự tự nguyện của các bên và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T đã khởi kiện ly hôn. Yêu cầu của bà T phát sinh thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo các quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Thủ tục thông báo, tổng đạt của Tòa án đối với phía bị đơn đã hoàn tất. Theo kết quả báo phát bằng định vị của cơ quan bưu chính thì ông N đã nhận được thông báo về việc hòa giải, ngày xét xử nhưng đến nay ông N không có ý kiến phản hồi. Trên cơ sở đó, Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Thấy rằng, tình trạng ly thân giữa vợ chồng bà T và ông N kéo dài đã lâu mà không có cách hàn gắn. Với quyền tự định đoạt của nguyên đơn và sự bỏ mặc từ phía bị đơn, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là hợp lý (khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014). Do ông bà chưa có con chung và tài sản chung theo lời khai của nguyên đơn nên không đặt ra xem xét.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và lệ phí tổng đạt qua bưu điện là 1.255.936 đồng, nguyên đơn phải chịu. Nghĩa vụ chịu các chi phí này dựa theo các quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấm dứt quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Bạch T và ông Phan Vinh N.

Không đặt ra xem xét về con chung và tài sản chung của vợ chồng.

2. Về án phí: chuyển số tiền tạm ứng án phí (300.000 đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001505 ngày 14/12/2022 thành án phí của nguyên đơn, coi như bà T đã nộp xong án phí.

Về lệ phí tổng đạt, bà T đã nộp xong.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND quận N, TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chế Linh